

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 12-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Đức Phụng.

2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST - HS, ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo: Đặng Văn V (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 13 tháng 4 năm 1988 tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn Đán Khao, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn D- Sinh năm: 1965; Con bà: Ch Thị Nh- Sinh năm: 1966; Vợ là Lý Thị Đ- Sinh năm 1993; Con: có 02 con; con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt

Bị cáo V bị bắt, tạm giữ từ ngày 09-03-2020 đến ngày 18-03-2020 tại ngoại, hiện nay đang chấp hành theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/2020/HSST - QĐ, ngày 01-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

2. Bị cáo: Đặng Văn B(Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1989 tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn Đán Khao, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn Ph - Sinh năm: 1963; Con bà: Phan Thị L - Sinh năm: 1960; Vợ là Phan Thị Th - Sinh năm 1993; Con: có 02 con (riêng của vợ); con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt

Bị cáo B bị bắt, tạm giữ từ ngày 09-03-2020 đến ngày 18-03-2020 tại ngoại, hiện nay đang chấp hành hiện theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 31/2020/HSST - QĐ, ngày 01-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

3. Bị cáo: Thành Giáp Ch(Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1978 tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn Đán Khao, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thành Văn Ch (đã chết); Con bà: Lý Thị Nh - Sinh năm: 1951; Vợ là Phan Thị T - Sinh năm 1979; Con: có 02 con; con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2000;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt

Bị cáo Ch bị bắt, tạm giữ từ ngày 10-03-2020 đến ngày 18-03-2020 tại ngoại, hiện nay đang chấp hành theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 32/2020/HSST - QĐ, ngày 01-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

4. Bị cáo: Hoàng Văn T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 27 tháng 5 năm 1976 tại huyện Bắc Q, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn Minh Thành, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Q, tỉnh H; Tạm trú tại Thôn Vằng Luông, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Tiến L - Sinh năm: 1956 (đã chết); Con bà: Phùng Thị H - Sinh năm: 1957; Vợ là Hoàng Thị A - Sinh năm 1978; Con: có 02 con; con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt

Bị cáo T bị bắt, tạm giữ từ ngày 10-03-2020 đến ngày 18-03-2020 tại ngoại, hiện nay đang chấp hành theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 33/2020/HSST - QĐ, ngày 01-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

Bị hại: Anh **Thào Quang S**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn Đán Khao, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Hoàng Dùn L**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Bản Khooéc, xã Thượng Sơn, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

Người làm chứng: Chị **Đặng Thị Ch**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Pha, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Q, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08-3-2020 Đặng Văn V nhận được điện thoại của Thành Giáp Ch gọi rủ V và Đặng Văn B trú cùng thôn đến nhà Ch ăn cơm, uống

ruợu. Khoảng 22 giờ cùng ngày Ch rủ mọi người “Đi trộm gà về mổ ăn” nhưng V gợi ý rủ mọi người đi trộm cắp trâu, V rủ Ch và B đi trộm cắp trâu của gia đình Thào Quảng S, trú tại Thôn Đán Khao, xã Thượng S, huyện V để đem bán lấy tiền chia nhau, Ch và B đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày cả V, Ch, B đi bộ sang nhà anh S. Khi đến gần chuồng trâu thì Ch, V đứng lại cảnh giới, còn B đi vào chuồng trâu dùng dao (đã mang theo từ trước) cắt dây thừng buộc trâu rồi dắt 01 con trâu cái đi ra, con trâu nghé đi theo sau. B dắt trâu đi trước, V và Ch đi sau đuôi. Sau đó Ch về nhà lấy xe mô tô BKS 23B1 - 176.26 (xe của B để ở nhà Ch từ trước), còn V và B dắt trâu đi đến thôn Bó Đuốt, xã Thượng Sơn, huyện V thì Ch đi xe mô tô đến. Lúc này 03 người thống nhất bán 02 con trâu trộm cắp được với giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) nếu ai mua thì bán. Sau đó V gọi điện thoại cho Hoàng Văn T, trú tại thôn Minh Thành, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Q, tỉnh H (tạm trú thôn Vằng Luông, xã Thượng S, huyện V) thuê T chở trâu ra ngã ba Tân Quang, huyện B với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và V nói với T trâu do V, B, Ch trộm cắp mà có, T đồng ý. V hẹn gặp T ở khu vực thôn Bó Đuốt, xã Thượng S, huyện V để chở trâu đi. Sau đó T gọi điện thoại cho Hoàng Dùn L, trú tại thôn Bản Khoéc, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H thuê L chở trâu với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng), L đồng ý. Sau đó L điều khiển xe ô tô BKS 29C - 127.32 đến đón T và đi đến vị trí V đang đợi. Khi xe ô tô đến V, B, Ch đuổi 02 con trâu lên xe rồi B và Ch đi về nhà. Còn V lên xe ô tô cùng T, L chở trâu đi đến nhà của Đặng Thị Ch (là chị dâu của V), trú tại thôn Pha, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Q, tỉnh H. Trên đường đi V đưa cho T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Khi đến nhà Ch V dắt 02 con trâu buộc tại khu vực gần nhà Ch rồi đi ngủ tại nhà Ch, còn T và L điều khiển xe ô tô đi về. S ngày 09-3-2020 V đang định mang trâu đi tiêu thụ thì bị Công an xã Đồng T bắt quả tang cả người và tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày: 17-3-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 con trâu cái 8 tuổi, cao 1,14m, dài 2m, vòng bụng 2,03m, độ mở của sừng là 0,45m, chiều dài của sừng 0,43m có giá trị là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); 01 con trâu nghé 5 tháng tuổi cao 0,8m, dài 1,3m, vòng bụng 1,32m, độ mở của sừng là 0,25m, chiều dài của sừng 0,07m có giá trị 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Tổng giá trị của các tài sản trên là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). (BL số 120).

Về phần dân sự: Ngày 18-5-2020 các bị cáo Đặng Văn V, Đặng Văn B, Thàn Giáp Ch đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại Thào Quảng S tiền công đi tìm trâu, tiền thuê xe ô tô chở trâu về nhà S là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Ngoài ra, bị hại S không có yêu cầu gì khác.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 con trâu cái cao 1,14m, dài 2m, vòng bụng 2,03m, độ mở của sừng 0,45m, chiều dài sừng 0,43m; 01 con trâu nghé cao 0,8m, dài 1,3m, vòng bụng 1,32m, độ mở của sừng 0,25m, chiều dài sừng 0,07m. Quá trình điều tra xác định 02 con trâu này là tài sản của anh Thào Quảng S nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 142).

- 02 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) có số seri: HL 10248290; HS 15247404. Tổng số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

- 04 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) có số seri: UA 19701703; QY 15880443; ES 18651728; HZ 18377555. Tổng số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Ngày 27-4-2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) là tiền thật hay giả (BL số 142).

Tại Kết luận giám định số 115/KL-PC09 ngày 04-5-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh H kết luận số tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật (BL số 143).

(*Vật trưng trên được niêm phong và chuyển sang kho bạc huyện V để quản lý*).

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu vàng cam, loại điện thoại bàn phím, mặt trước có ghi chữ COOLPAD, điện thoại đã cũ, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Đặng Văn V, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, màn hình có ghi chữ LVMOBILE cùng với sim, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Hoàng Văn T, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

- 01 con dao có tổng chiều dài 25cm, chuôi bằng gỗ, phần lưỡi dao rộng nhất 3,5cm, chỗ hẹp nhất 2cm, dao đã qua sử dụng;

(*Số vật chứng này đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện V để quản lý theo quy định*).

Tại cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với: các bị cáo Đặng Văn V, Đặng Văn B, Trần Giáp Ch về tội “ Trộm cắp tài sản ” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Văn T về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đặng Văn V, Đặng Văn B, Trần Giáp Ch đều khai nhận vào khoảng 22 giờ ngày 08-3-2020 bị cáo V đã rủ Ch và B đi trộm cắp trâu của gia đình Thào Quảng S, trú tại Thôn Đán Khao, xã Thượng S, huyện V để mang bán lấy tiền chia nhau, Ch và B đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày V, Ch, B đi bộ sang nhà S. Khi đến gần chuồng trâu Ch và V đứng ngoài cảnh giới còn B đi vào chuồng trâu dùng dao cắt dây thừng buộc trâu rồi dắt 01 con trâu cái đi ra, con trâu ghé đi theo sau. B dắt trâu đi trước, V và Ch đi sau đuổi. Sau đó Ch về nhà lấy xe mô tô BKS 23B1 - 176.26, còn V và B dắt trâu đi đến thôn Bó Đứt, xã Thượng S, huyện V thì Ch đi xe mô tô đến. Lúc này 03 người thống nhất bán 02 con trâu trộm cắp được với giá 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) nếu ai mua thì bán. Sau đó V gọi điện thoại cho Hoàng Văn T, thuê

T chở trâu ra ngã ba Tân Quang, huyện B với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và nói trâu do V, B, Ch trộm cắp mà có, T đồng ý. Đồng thời hẹn gặp T ở khu vực thôn Bó Đuốt, xã Thượng S, huyện V để chở trâu đi tiêu thụ. Các bị cáo V, Ch, B đều nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Hoàng Văn T khai nhận sau khi nghe bị cáo V gọi điện thoại thuê T chở trâu ra ngã ba Tân Quang, huyện B với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và nói trâu do V, B, Ch trộm cắp mà có, T đồng ý. Đồng thời hẹn gặp T ở khu vực thôn Bó Đuốt, xã Thượng S, huyện V để chở trâu đi. Sau đó T gọi điện thoại cho Hoàng Dùn L, thuê L chở trâu với giá 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), L đồng ý. Sau đó L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29C - 127.32 đến đón T và đi đến vị trí V đang đợi. Khi xe ô tô đến V, B, Ch đuổi 02 con trâu lên xe rồi B và Ch đi về nhà. Còn V lên xe ô tô cùng T, L chở trâu đi đến nhà của Đặng Thị Ch, trú tại thôn Pha, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Q, tỉnh H. Trên đường đi V đưa cho T số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Khi đến nhà Ch V dắt 02 con trâu buộc tại khu vực gần nhà Ch rồi đi ngủ tại nhà Ch, còn T và L điều khiển xe ô tô đi về. Bị cáo T nhận thức được hành vi tiếp tay vận chuyển tài sản do V, B, Ch trộm cắp được mang đi bán của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bị hại Thảo Quang S trình bày như sau: Vào đêm ngày 08-3-2020 gia đình đã bị mất 02 con trâu, sau khi phát hiện gia đình đã báo chính quyền và nhờ mọi người đi tìm, thấy ở xã Đồng Tâm, huyện B, gia đình đã nhận lại 02 con trâu. Ngày 18-5-2020 các bị cáo Đặng Văn V, Đặng Văn B, Thành Giáp Ch đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại Thảo Quang S tiền công đi tìm trâu, tiền thuê xe ô tô chở trâu về nhà là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Ngoài ra, bị hại S không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Dùn L trình bày có nhận lời với T chở trâu với giá 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Sau đó L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29C - 127.32 đến đón T và đi đến vị trí V đang đợi, chở 02 con trâu cho T đến xã Đồng Tâm, huyện B rồi quay về T đưa cho 2.000.000đ và đã nộp lại hai triệu đồng cho cơ quan điều tra, xe ô tô đã nhận lại không có gì yêu cầu bồi thường dân sự.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn V, Đặng Văn B, Thành Giáp Ch phạm tội “ Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo

Hoàng Văn T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn V từ 16 tháng đến 18 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 32 tháng đến 36 tháng, thời giam thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Đặng Văn B, Trần Giáp Ch từ 13 tháng đến 15 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 tháng đến 30 tháng thời giam thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 18 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo về UBND xã Thượng S, huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Về phần dân sự:

Bị hại anh Thảo Quang S đã nhận lại tài sản 02 con trâu và 7.000.000đ tiền bồi thường công đi tìm trâu của các bị cáo, nay anh S không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì bổ sung. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước công cụ, tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

- 02 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) có số seri: HL 10248290; HS 15247404. Tổng số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

- 04 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) có số seri: UA 19701703; QY 15880443; ES 18651728; HZ 18377555. Tổng số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

(Vật trưng trên được niêm phong và chuyển sang kho bạc huyện V để quản lý).

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu vàng cam, loại điện thoại bàn phím, mặt trước có ghi chữ COOLPAD, điện thoại đã cũ, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Đặng Văn V, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, màn hình có ghi chữ LVMOBILE cùng với sim, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Hoàng Văn T, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

Tịch thu tiêu hủy công cụ sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng:

- 01 con dao có tổng chiều dài 25cm, chuôi bằng gỗ, phần lưỡi dao rộng nhất 3,5cm, chỗ hẹp nhất 2cm, dao đã qua sử dụng;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 28-5-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

Về án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Các bị cáo V, B, Ch, T có ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo V, Ch, B, T nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo V, Ch, B, T xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, thay đổi bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã khai nhận như sau: Bị cáo Đặng Văn V đã rủ Ch và B đi trộm cắp trâu của gia đình Thảo Quang S trú tại Thôn Đán Khao, xã Thượng S, huyện V để đem bán lấy tiền chia nhau, Ch và B đồng ý. Khoảng 23 giờ 08-3-2020 V, Ch, B đi bộ sang nhà S. Khi đến gần chuồng trâu cách khoảng 50m thì Ch, V đứng ngoài cảnh giới còn B đi vào chuồng dùng dao cắt dây thừng buộc trâu rồi dắt 01 con trâu cái đi ra, con trâu nghe đi theo sau. B dắt trâu đi trước, V và Ch đi sau đuổi. Sau đó Ch về nhà lấy xe mô tô BKS 23B1 - 176.26, còn V và B dắt trâu đi đến thôn Bó Đuốt, xã Thượng Sơn, huyện V thì Ch đi xe mô tô đến. Lúc này 03 người thống nhất bán 02 con trâu với giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) nếu ai mua thì bán. Sau đó V gọi điện thoại cho Hoàng Văn T, thuê T chở trâu ra ngã ba Tân Quang, huyện B với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và nói trâu do V, B, Ch trộm cắp mà có, T đồng ý. Lời nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa phù hợp với bản cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp biên bản định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo V, Ch, B là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo V, Ch, B lợi dụng đêm tối, mọi người đã ngủ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 con trâu nhà bị hại S có giá trị là: 25.000.000đ với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo V, Ch, B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Đối với bị cáo T biết là tài sản do bị cáo V, Ch, B trộm cắp mà có, mang đi bán nhưng vẫn nhận lời chở tài sản trộm cắp được cho bị cáo V mang đi tiêu thụ, để kiến lời 1.000.000đ từ tiền công vận chuyển. Bị cáo T thực hiện hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây cản trở lớn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử và tạo điều kiện khuyến khích người khác phạm tội. Do vậy HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Văn T phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS. Như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, quy định về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo V, Ch, B, T chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường khắc phục hậu quả xảy ra, bị cáo B ra đầu thú, là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình đối với bị cáo V, Ch, B theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo T theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo V, Ch, B đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án có đồng phạm giảm đơn, bị

cáo V là người khởi xướng đi trộm cắp tài sản, bị cáo Ch, B đồng ý cùng thực hiện, bị cáo V là người đứng đầu vụ án, có mức hình phạt cao hơn bị cáo Ch, B, các bị cáo Ch, B với vai trò giúp sức tích cực tham gia cùng V trộm cắp có mức án thấp hơn bị cáo V. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định, đối với từng hành vi mà các bị cáo tham gia. Đề cho các bị cáo V, Ch, B có thời gian rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa Ch loại tội phạm này theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T khi biết là tài sản do V, Ch, B trộm cắp mà có mang đi bán, nhưng vẫn nhận lời chờ tài sản trộm cắp được để lấy tiền công kiến lời 1.000.000đ. Bị cáo T thực hiện hành vi "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" là tội độc lập trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo V, Ch, B. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T. Vì các bị cáo thuộc hộ nghèo và không có thu nhập ổn định.

[6] Về phần dân sự:

Bị hại anh Thảo Quang S đã nhận lại tài sản 02 con trâu và 7.000.000đ tiền của các bị cáo bồi thường công đi tìm trâu, nay anh S không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì bổ sung. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước công cụ, tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

- 02 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) có số seri: HL 10248290; HS 15247404. Tổng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- 04 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) có số seri: UA 19701703; QY 15880443; ES 18651728; HZ 18377555. Tổng số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

(Vật chứng trên được niêm phong và chuyển sang kho bạc huyện V để quản lý, theo biên bản bàn giao ngày 25-5-2020 giữa Kho bạc và Công an V).

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu vàng cam, loại điện thoại bàn phím, mặt trước có ghi chữ COOLPAD, điện thoại đã cũ, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Đặng Văn V, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, màn hình có ghi chữ LVMOBILE cùng với sim, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Hoàng Văn T, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

Tịch thu tiêu hủy công cụ sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng:

- 01 con dao có tổng chiều dài 25cm, chuôi bằng gỗ, phần lưỡi dao rộng nhất 3,5cm, chỗ hẹp nhất 2cm, dao đã qua sử dụng;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 28-5-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

Theo điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Về án phí: Các bị cáo V, Ch, B có đơn xin miễn giảm án phí được chấp nhận, bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại theo Điều 12, Điều 14, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Nhưng nội dung có liên quan trong quá trình điều tra vụ án:

- 01 xe ô tô biển kiểm soát 29C - 127.32 nhãn hiệu THACO số loại FC250, loại xe tải thùng có mui phủ, màu sơn xanh. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô này là tài sản của Hoàng Dùn L, sinh năm 1982, trú tại thôn Bản Khoét, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H. Khi L sử dụng chiếc xe ô tô trên để chở thuê 02 con trâu L không biết 02 con trâu là do trộm cắp mà có nên ngày 05/5/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 140).

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 176.26. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản Ch của gia đình Đặng Văn B nên ngày 15-5-2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 138).

Đối với Hoàng Dùn L, sinh năm 1982, trú tại thôn Bản Khoét, xã Thượng S, huyện V, tỉnh H là người đã sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 29C - 127.32 chở 02 con trâu do T thuê, khi chở thuê trâu cho T, L không biết 02 con trâu là do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 239 đến 240).

Đối với Đặng Thị Ch, sinh năm 1976 (*là chị dâu của Đặng Văn V*), trú tại thôn Pha, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Q, tỉnh H là người đã cho Đặng Văn V ngủ nhờ và buộc 02 con trâu ở khu vực nhà Ch. Khi đó Ch không biết 02 con trâu do V trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 247 đến 248).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố xử các bị cáo Đặng Văn V, Đặng Văn B, Thành Giáp Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn V 16 (mười sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 32 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ

thẩm ngày 12-6-2020. (bị cáo V bị bắt, tạm giữ từ ngày 10-03-2020 đến ngày 18-03-2020 tại ngoại)

Xử phạt bị cáo Đặng Văn B 13 (mười ba) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 26 (hai mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12-6-2020. (bị cáo B bị bắt, tạm giữ từ ngày 09-03-2020 đến ngày 18-03-2020 tại ngoại)

Xử phạt bị cáo Trần Giáp Ch 13 (mười ba) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 26 (hai mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12-6-2020. Bị cáo Ch bị bắt, tạm giữ từ ngày 10-03-2020 đến ngày 18-03-2020 tại ngoại)

Giao các bị cáo V, Ch, B về UBND xã Thượng S, huyện V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố xử bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. (được khấu trừ thời gian bị cáo T bị bắt, tạm giữ từ ngày 10-03-2020 đến ngày 18-03-2020 vào thời hạn Cải tạo không giam giữ)

Giao bị cáo T về Ủy ban nhân dân xã Thượng Sơn, huyện V, tỉnh H nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thượng S, huyện V trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 99 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về Cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn Cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Thượng S được giao giám sát, giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Không có

[3] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm:

- 02 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) có số seri: HL 10248290; HS 15247404. Tổng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- 04 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) có số seri: UA 19701703; QY 15880443; ES 18651728; HZ 18377555. Tổng số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

(Vật chứng trên được niêm phong và chuyển sang kho bạc huyện V để quản lý, theo biên bản bàn giao ngày 25-5-2020 giữa Kho bạc và Công an Vị Xuyên).

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu vàng cam, loại điện thoại bàn phím, mặt trước có ghi chữ COOLPAD, điện thoại đã cũ, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Đặng Văn V, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

- 01 Chiếc phong bì niêm phong, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, màn hình có ghi chữ LVMOBILE cùng với sim, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Mặt trước phong bì có chữ điện thoại thu giữ của Hoàng Văn T, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện V;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao có tổng chiều dài 25cm, chuôi bằng gỗ, phần lưỡi dao rộng nhất 3,5cm, chỗ hẹp nhất 2cm, dao đã qua sử dụng;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 28-5-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo V, Ch, B được miễn toàn bộ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-6-2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh H;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Anh Luyện

